

Số: 20 /2016/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2016

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 30/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới

1. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu khách là phương tiện thủy nội địa có sức chở trên 12 (mười hai) người.

2. Tàu chở người là phương tiện thủy nội địa có sức chở từ 12 (mười hai) người trở xuống.

3. Tàu khách cao tốc (tàu cao tốc chở khách) là tàu khách được cơ quan Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra chứng nhận phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc; tàu khách hoạt động ở chế độ lướt mà thân tàu tách hoàn toàn khỏi mặt nước do lực nâng khí động học tạo ra bởi hiệu ứng bề mặt có tốc độ lớn nhất từ 30 km/giờ trở lên ở trạng thái toàn tải.

4. Hành khách là những người trên tàu không phải là thuyền viên và nhân viên phục vụ.

5. Cảng vụ liên quan là Cảng vụ Đường thủy nội địa hoặc Cảng vụ Hàng hải.”

2. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc

1. Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền như sau:

a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải (trừ trường hợp tàu xuất phát từ cảng, bến thuộc khu vực trách nhiệm do Cảng vụ Hàng hải quản lý) hoặc Cảng vụ Hàng hải (trong trường hợp tàu xuất phát từ cảng, bến thuộc khu vực trách nhiệm do Cảng vụ Hàng hải quản lý);

b) Tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực (trong trường hợp tàu xuất phát từ cảng, bến thuộc khu vực trách nhiệm do Chi cục Đường thủy nội địa khu vực quản lý) hoặc Cảng vụ Hàng hải (trong trường hợp tàu xuất phát từ cảng, bến thuộc khu vực trách nhiệm do Cảng vụ Hàng hải quản lý).

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu theo tuyến cố định theo mẫu quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức, cá nhân khai thác cảng, bến đồng ý cho tàu khách cao tốc vào đón, trả hành khách còn hiệu lực;

c) Bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) các giấy tờ sau còn hiệu lực: Giấy chứng nhận đăng ký của tàu; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của tàu; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài.